

Bản án số: 05/2022/HNGĐ -ST
Ngày 28/01/2022
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Ngọc - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm
Ninh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát
viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc ly
hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-
HNGĐ ngày 06/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày
21/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1983(có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Đ A, sinh ngày 24/01/2010

2. Cháu Nguyễn Đ D, sinh ngày 16/9/2011

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Y – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: PT,TP, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2021 và lời khai của anh Nh trình bày anh và chị
Y quen biết nhau qua bạn bè giới thiệu, sau đó có thời gian tìm hiểu nhau khoảng vài
tháng thì tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào

ngày 10/02/2009. Sau khi cưới chị Y về ngay gia đình anh chung sống, anh chị chung sống với bố mẹ chồng, đến khi sinh con được khoảng 01 tuổi thì anh chị ra ở riêng, anh đi làm ở Hà Nội, còn chị Y làm công nhân ở quê, vợ chồng anh chị thỉnh thoảng mới gặp nhau, không có xích mích gì lớn. Chị Y đi làm về không dọn dẹp nhà cửa, mẹ anh nói để anh góp ý với chị Y, anh nói chị Y không nghe, chị Y không thay đổi nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị Y mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, vài tháng sau chị Y vào trong Nam, bố chị Y phải vào trong đó đón mẹ con chị Y thì chị Y mới về, khi về đến nhà mẹ con anh sang nhà chị Y nói chuyện, hai gia đình khuyên và hòa giải, chị Y nghe và nhất trí vợ chồng về ở với nhau, được 01 tháng khi anh vẫn đang làm ở Hà Nội, chị Y ở nhà có nói với mẹ anh là đi sang Hải Dương ăn cỗ, sau đó không về nhà anh nữa, anh sang nhà chị Y hỏi thì bố chị Y nói chị Y đã vào trong Đồng Nai và bảo không ở với anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh làm đơn xin ly hôn chị Y.

Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Y

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Tính (bố đẻ của chị Y) trình bày: Ông xây dựng vợ chồng cho anh Nh, chị Y vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc. Sau khi thành vợ chồng chị Y về ngay gia đình chồng chung sống. Anh chị có thời gian chung sống hòa thuận và sinh được 02 con chung. Năm 2016, vợ chồng anh Nh, chị Y mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Nh cờ bạc, rượu chè, hỏi chị Y tiền không có, sau đó vợ chồng cãi nhau. Do mâu thuẫn, chị Y mang cả 02 con về nhà ông ở, một thời gian sau đó chị Y vào trong Nam làm ăn, ông vào trong Nam đón 03 mẹ con chị Y về và gọi anh Nh đến, anh chị lại về ở với nhau, được khoảng 01 tháng thì 03 mẹ con chị Y lại vào Nam, sau đó chị Y mới gọi điện cho ông xin lỗi và nói vợ chồng không ở được với nhau nữa nên không về, sau đó anh Nh sang nhà ông thưa chuyện vợ chồng không ở được với nhau nên xin ly hôn. Nay anh Nh xin ly hôn, chị Y có điện thoại cho ông là nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Nh, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Y.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nghiêm Thị Khiếu (bố đẻ của anh Nh) trình bày: Anh chị quen biết nhau do bạn bè dặt mối, có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào năm 2009. Sau khi cưới anh chị chung sống với ngay gia đình chồng tại PT, TP. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hay không bà không rõ, khi anh chị có con đầu biết đi thì bà cho anh chị ăn riêng, nhưng vẫn sống chung cùng nhà. Chị Y đi làm công ty, còn anh Nh đi làm nhôm kính ở Hà Nội. Ở nhà chị Y đi làm, nhưng khi về không dọn dẹp, nhà cửa bẩn, vợ chồng bà dọn được vài lần nhưng chị Y vẫn như vậy, cuối tháng bà có bảo chồng bà không dọn nữa để Nh về thăm con thì góp ý cho chị Y sửa, khi anh Nh

về vợ chồng nói chuyện, cãi nhau, anh Nh có uống chén rượu vào và đuổi chị Y đi, chị Y tự mang quần áo và các con về bên nhà bố mẹ đẻ ở, khoảng thời gian sau vào trong Nam vào năm 2016. Sau đó ông thông gia vào trong đó đón về, mẹ con bà đến nhà bố mẹ chị Y nói chuyện và cho anh chị về ở với nhau, chị Y và các con về nhà tôi, anh Nh vẫn làm ở Hà Nội, còn chị Y lại làm ở Phù Ủng, đi xe đạp bà thấy khổ, con gái bà bảo có người bán xe cũ, bà có bảo chị Y mua xe thì chị Y không nói gì, sau khi làm được 1 tháng thì chị Y làm về sớm, có nói với bà là hôm sau đi ăn cỗ, hôm sau chị Y thuê xe ôm và cho các con chào bà đi ăn cỗ bên Hải Dương tôi về, nhưng từ năm 2016 chị Y đi không về nhà bà nữa. Sau khi chị Y đi mẹ con bà có sang 3 lần nói chuyện với bố mẹ chị Y, có nói chuyện để tìm chị Y về, ông Tính có gọi điện thoại cho chị Y về nhưng chị Y kiên quyết không về. Nay anh Nh xin ly hôn chị Y, bà thấy anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau, đã nhiều lần tìm biện pháp để mong muốn anh chị về ở với nhau nhưng không có kết quả nên bà mong muốn Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh Nh, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011. Hiện nay các cháu đang ở với mẹ.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh chị không có gì

Tại biên bản xác minh với UBND xã Tân Phúc: Anh Nh, chị Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào ngày 10/02/2009 tại số 10. Quá trình chị Y, anh Nh chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Anh Nh, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2022: Anh Nh có mặt. Còn chị Y được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 28/01/2022: Anh Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn chị Y được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký cơ bản chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y vì chưa có quan điểm của chị Y, chị Y sau này có yêu cầu thay đổi trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng Tòa án sẽ xem xét ở một vụ việc khác theo quy định của pháp luật. Anh Nh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Anh Nh phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh, chị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào ngày 10/02/2009. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Nh, chị Y là hợp pháp. Nay anh Nh có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại PT, TP, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh Nh xác định vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2016 thì mâu thuẫn nguyên nhân là trong quá trình sinh sống chị Y không chịu dọn dẹp nhà cửa, anh tham gia chị Y không thay đổi nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn chị Y về nhà bố mẹ để ở, sau đó vào Biên Hòa, Đồng Nai, một thời gian ông Tính (bố chị Y) đón về và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, được 01 tháng chị Y lại mang cả 02 con chung vào Biên Hòa, Đồng Nai, không về nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Y. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ chị Y đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị Y biết nhưng

chị đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được, nhưng qua ông Tính được biết vợ chồng anh Nh, chị Y có mâu thuẫn từ năm 2016 như anh Nh trình bày, chị Y đã về ở với anh Nh được 1 tháng thì không thể ở được nữa nên anh Nh xin ly hôn, chị Y đồng ý ly hôn. Anh Nh, chị Y có thời gian dài sống ly thân nhau mà không có biện pháp gì để hàn gắn những rạn nứt vợ chồng. Bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa anh Nh, chị Y đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Nh, chị Y không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nh là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nh, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị Y, do chị Y, cháu Đ A, cháu Đ D không đến Tòa nên không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của chị Y, các con chung trong hồ sơ, tuy nhiên qua ông Tính, chị Y có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và hiện nay chị Y, hai con chung đang ở Biên Hòa, Đồng Nai, cháu Đ A, Đ D đang học tập tại Biên Hòa, Đồng Nai, địa chỉ cụ thể ông Tính không rõ. Về phía anh Nh, anh Nh đồng ý để chị Y nuôi cả 02 con chung. HĐXX thấy rằng chị Y và các con hiện nay đang ở tại Biên Hòa, Đồng Nai nhưng không rõ địa chỉ cụ thể vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của hai cháu. Để tránh xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của con chung nên HĐXX giao cả hai con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng, chị Y không có quan điểm nhưng anh Nh có ý kiến việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y, anh Nh và chị Y sẽ tự thỏa thuận, sau này có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết ở vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Nh, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Nh được ly hôn chị Nguyễn Hải Y

2- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Đ A, sinh năm 2010 và Nguyễn Đ D, sinh năm 2011 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Nh chưa

phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y. Anh Nh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Sau này chị Y có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng Tòa án sẽ xem xét ở một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Anh Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0003021 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh Nh đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh Nh, chị Y có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phúc, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

